TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Nguyễn Văn Sự
+ Ông Huỳnh Hoàng Lam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 21 tháng 12 năm 2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Nhiên trình bày:

Sau thời gian quen biết, bà và ông Phan Văn T quyết định tiến đến hôn nhân vào năm 2003, có tổ chức đám cưới, đến ngày 07/11/2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An. Sau khi cưới ông bà sinh sống tại Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm

2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã làm cho tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài được nữa nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Giữa bà và ông Phan Văn T có 02 con chung tên Phan Thị Kiều C (nữ) sinh ngày 16/10/2004 và Phan Văn K (nam) sinh ngày 10/02/2007 hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa bà giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung.

Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Phan Văn T không đến Tòa án để thể hiện ý kiến, tại biên bản ghi lời khai của đương sự ông Phan Văn T trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà N và thống nhất giao 02 con chung cho bà N nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có và xin vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán chấp hành tương đối theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Xét, hôn nhân giữa bà Trần Thị N và ông Phan Văn T có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/11/2008, đây là hôn nhân hợp pháp sẽ được giải quyết theo Luật hôn nhân gia đình.

Bà Trần Thị N cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Phan Văn T hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai thường xuyên cãi vã, ông T hay nhậu về có những lời lẽ uy hiếp tinh thần của bà và con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2022 dù ông T có ý kiến thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn bà N nhưng ông T vắng mặt không lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 17/01/2022 và 14/3/2022 nên không ghi nhận thuận tình ly hôn theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ theo lời trình bày của bà N giữa bà và ông T không còn tình cảm, cả hai đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay; đồng thời ông T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với bà N nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có.

Về con chung: Bà N có yêu cầu nuôi hai con chung và con chung tên Phan Thị Kiều C, sinh ngày 16/10/2004 và Phan Văn K, sinh ngày 10/02/2007 đã trên 7 tuổi có nguyện vọng sống với mẹ (bà N); đồng thời ông T cũng đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Bà N, ông T trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Bà N, ông T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 28, 35, 39, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Nhiên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị N có đơn xin ly hôn với ông Phan Văn T, yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phan Văn T có nơi cư trú tại Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Phan Văn T có đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Tý.

[3] Về hôn nhân: Giữa bà Trần Thị N và ông Phan Văn T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, áp dụng luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[4] Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải hai lần để tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn tình cảm với nhau nhưng ông Phan Văn T không tham gia phiên hòa giải mà không có lý do đã thể hiện ý chí không mong muốn vợ chồng đoàn tụ và tại biên bản ghi lời khai ông Phan Văn T đồng ý ly hôn và bà Trần Thị N cương quyết xin ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Trần Thị N và ông Phan Văn T là có thật và thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị N, chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Phan Văn T có 02 con chung là Phan Thị Kiều C (nữ) sinh ngày 16/10/2004 và Phan Văn K (nam) sinh ngày 10/02/2007 hiện đang sống chung với bà N. Tại bản tự khai cháu C và cháu K có nguyện vọng sống với mẹ, bà N yêu cầu nuôi và ông T cũng đồng ý nên Hội

đồng xét xử xét thấy cần giao hai cháu cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản: Bà Trần Thị N và ông Phan Văn T cho rằng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Về nợ: Bà Trần Thị N và ông Phan Văn T cho rằng không có nợ nên Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc xin ly hôn với ông Phan Văn T.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Thị Kiều C (nữ) sinh ngày 16/10/2004 và Phan Văn K (nam) sinh ngày 10/02/2007 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Phan Văn T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tự thỏa thuận, Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ: Không có.

5. Về án phí: Buộc bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0003574 ngày 27/12/2021 sang tiền án phí.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- UBND xã Tuyên Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị The